

BẢN TIN VỀ KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG
Tháng 8

1. **Tên nhiệm vụ:** Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Ngàn Trươi – Cẩm Trang, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp

2. **Ngày quan trắc:** 27 – 28/8/2024

Ngày cung cấp TT: 29/8/2024

3. **Tình trạng hoạt động của các cống khi lấy mẫu:**

STT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Tình trạng hoạt động của cống
1	10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Cống đóng.
2	11	Đầu kênh chính	Cống mở nhỏ.

4. **Tổng số vị trí các điểm quan trắc:** 15 vị trí chính thức

5. **Đơn vị thực hiện:** Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý CLN, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi

Người cung cấp thông tin: Trịnh Xuân Hoàng – Trưởng phòng

6. **Đơn vị nhận thông tin:** Cục Thủy lợi, Ban Quản lý Thủy lợi 3-4.

KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Bảng tóm tắt:

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2023 và số liệu khảo sát hiện trường sơ bộ nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các hạng như sau:

A – Sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Thượng lưu hồ tầng mặt, Giữa hồ tầng mặt, Trước cửa xả TN1 tầng mặt, Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt, Kênh chính hạ lưu công điều tiết (gần trường TH Đức Bông), Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt, Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF.

B – Sử dụng cho mục đích sản xuất nông nghiệp, công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp): Các vị trí đạt giới hạn trên, Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang, Đầu kênh chính, Khu nuôi cá lồng I tầng mặt, Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m).

C – Sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp (sau khi áp dụng xử lý phù hợp), không gây mùi khó chịu: Các vị trí đạt giới hạn trên.

D – Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: Các vị trí đạt giới hạn trên, Cầu Ngàn Trươi.

Bảng chi tiết:

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
1	Thượng lưu hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước trong xanh.	6.9	0	7.4	0.1	0.047	0.810	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
2	Thượng lưu hồ tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy khu vực thượng lưu hồ Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước trong xanh.	5.83	0	0	0.1	0.085	0.315	36	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
3	Giữa hồ tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt khu	Trời nhiều mây, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 62%, mật độ mây 87%, gió	6.59	0	7.1	0.1	0.062	0.392	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH,

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
QCVN 08:2023 - A				6.5 – 8.5		≥ 6					
QCVN 08:2023 - B				6 – 8.5		≥ 5					
QCVN 08:2023 - C				6 – 8.5		≥ 4					
QCVN 08:2023 - D				< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
		vực giữa hồ Ngàn Trươi.	ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy, nước trong xanh.								DO đạt giới hạn A cho phép
4	Trước cửa xả TN1 tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước tầng mặt hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, đập đóng, mực nước thấp. Nước trong xanh.	6.89	0	7.3	0.1	0.054	0.945	21	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
5	Trước cửa xả TN1 tầng giữa	Đánh giá chất lượng nước tầng giữa hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy,	5.04	0.2	0	0.1	0.093	0.095	22	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
			<i>QCVN 08:2023 - A</i>	6.5 – 8.5		≥ 6					
			<i>QCVN 08:2023 - B</i>	6 – 8.5		≥ 5					
			<i>QCVN 08:2023 - C</i>	6 – 8.5		≥ 4					
			<i>QCVN 08:2023 - D</i>	< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			nước trong xanh.								
6	Trước cửa xả TN1 tầng đáy	Đánh giá chất lượng nước tầng đáy hồ Ngàn Trươi khu vực gần cửa xả TN1.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 90%, gió ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, nước màu trong xanh.	5.9	0.5	0	0.1	0.186	0.428	28	Giá trị pH, DO thấp do ở tầng sâu – đặc tính của hồ chứa.
7	Khu nuôi cá lồng tự phát (Cách bến thuyền 700m)	Đánh giá ảnh hưởng của khu nuôi cá đến chất lượng nước hồ.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh rêu, có mùi tanh.	6.85	0	7.2	0.1	0.093	1.058	14	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
8	Khu nuôi cá lồng I	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử	Trời nhiều mây, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 86%, gió	6.45	0	7.18	0.1	0.109	1.238	15	Giá trị các

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	tầng mặt	cá lồng.	ĐN 8 km/h. Không có dòng chảy, nước màu xanh, có mùi tanh.								Chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
9	Khu nuôi cá lồng II (khu mở rộng) tầng mặt	Đánh giá chất lượng nước khu nuôi thử cá lồng.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 32°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 85%, gió ĐN 6 km/h. Không có dòng chảy. Nước màu xanh rêu, mùi tanh.	6.5	0	7.14	0.1	0.078	0.788	16	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép
10	Đầu vào nhà máy nước Vũ Quang	Đánh giá chất lượng nước cấp cho nhà máy nước Vũ Quang.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐB 6 km/h. Không có dòng chảy, cồng đóng. Nước màu	6.05	0	5.7	0.1	0.078	0.304	20	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường							Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)		Độ dẫn
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6					
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5					
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4					
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
			vàng lục. Khu vực lấy mẫu gần nơi xây cầu qua kênh.								phép
11	Đầu kênh chính	Đánh giá chất lượng nước đầu hệ thống trước khi cấp cho các mục đích dân sinh.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 80%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy rất chậm. cống mở nhỏ. Nước màu lục.	6.1	11.1	5.4	0.1	0.070	0.396	32	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn B cho phép
12	Kênh chính hạ lưu cống điều tiết (gần trường)	Đánh giá chất lượng nước trên kênh chính hạ lưu cống đầu mỗi.	Trời nắng, nhiệt độ 35°C, độ ẩm 57%, mật độ mây 80%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước thấp. Nước trong.	8.1	0	7.5	0.1	0.101	0.765	51	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn	
		<i>QCVN 08:2023 - A</i>		6.5 – 8.5		≥ 6					
		<i>QCVN 08:2023 - B</i>		6 – 8.5		≥ 5					
		<i>QCVN 08:2023 - C</i>		6 – 8.5		≥ 4					
		<i>QCVN 08:2023 - D</i>		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2					
	TH Đúc Bông)										
13	Cầu Ngàn Trươi	Đánh giá chất lượng nước tại cầu Ngàn Trươi.	Trời nắng, nhiệt độ 34°C, độ ẩm 60%, mật độ mây 81%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm, công đóng, nước qua thùy điện xuống hạ lưu. Nước màu xanh.	5.75	0.6	4.25	0.1	0.163	0.531	23	Giá trị chỉ tiêu hiện trường pH, DO không đạt giới hạn B cho phép
14	Khe Trươi phía thượng lưu nhà máy sắt	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi trước khi nhận nước thải hai nhà máy sắt và	Trời nhiều mây, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 67%, mật độ mây 85%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy chậm, mực nước thấp, nước trong	6.81	1.7	7.7	0.1	0.062	1.087	40	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép

Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Mục tiêu giám sát	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Nhận xét, khuyến cáo	
			Mô tả thực địa	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_N (mg/l)	Nitrat_N (mg/l)	Độ dẫn		
		QCVN 08:2023 - A		6.5 – 8.5		≥ 6						
		QCVN 08:2023 - B		6 – 8.5		≥ 5						
		QCVN 08:2023 - C		6 – 8.5		≥ 4						
		QCVN 08:2023 - D		< 6.0 hoặc > 8.5		≥ 2						
		nhà máy gỗ.	xanh.									
15	Khe Trươi phía hạ lưu nhà máy gỗ MDF	Đánh giá chất lượng nước Khe Trươi ngay sau khi nhận nước thải nhà máy gỗ.	Trời nhiều mây, nhiệt độ 33°C, độ ẩm 65%, mật độ mây 85%, gió ĐB 6 km/h. Dòng chảy rất chậm, mực nước cao. Nước màu xanh rêu. Nước thải nhà máy gỗ xả với lưu lượng khoảng 2 lit/s.	7.8	2	7.02	0.1	0.117	1.802	67	Giá trị các chỉ tiêu hiện trường pH, DO đạt giới hạn A cho phép	

Ghi chú:

QCVN 08:2023 Mức A: Chất lượng nước tốt. Hệ sinh thái trong môi trường nước có hàm lượng oxy hòa tan (DO) cao. Nước có thể sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt, bơi lội, vui chơi dưới nước sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức B: Chất lượng nước trung bình. Hệ sinh thái trong nước tiêu thụ nhiều oxy hòa tan do một lượng lớn chất ô nhiễm. Nước có thể sử dụng cho mục đích sản xuất công nghiệp, nông nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức C: Chất lượng nước xấu. Hệ sinh thái trong nước có lượng oxy hòa tan giảm mạnh do chứa một lượng lớn các chất ô nhiễm. Nước không gây mùi khó chịu, có thể được sử dụng cho các mục đích sản xuất công nghiệp sau khi áp dụng các biện pháp xử lý phù hợp.

QCVN 08:2023 Mức D: Nước có chất lượng rất xấu, có thể gây ảnh hưởng lớn tới cá và các sinh vật sống trong môi trường nước do nồng độ oxy hòa tan thấp, nồng độ chất ô nhiễm cao. Nước có thể được sử dụng cho các mục đích giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu chất lượng nước thấp.

Nơi nhận:

- Cục Thủy lợi;
- Ban Quản lý Thủy lợi 3;
- Ban Quản lý Thủy lợi 4;
- Lưu phòng TN&TVQLCLN,MT.

Hà Nội, ngày 29 tháng 8 năm 2024

VIỆN QUY HOẠCH THỦY LỢI



PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đào Ngọc Tuấn